

Số: 148/QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 54, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ cao đẳng của
Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDDT, ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, cấp Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Khóa 54, tại phiên họp ngày 15/9/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 54, năm học 2024-2025 cho 77 sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
KHÓA 54; NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG HIỆN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ NGHỆ ĐƯƠNG QUẤT

HP1: Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (02 tín chỉ - MHP 119006); HP2: Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (01 tín chỉ - MHP 119007)

(Bản hành kèm theo Quy chế định số 148/QĐ-TTGDQP-AN ngày 15/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	20CDDCN0146	Phạm Văn Huy	01/02/2003	Nam	Điện công nghiệp Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
2	22CDBCK0297	Hồ Hoàng Sơn	22/3/2004	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
3	22CDBCK0301	Đinh Văn Tằng	15/5/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
4	22CDBCK0306	Nguyễn Hoài Tín	24/01/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
5	22CDBCK0308	Hồ Kim Trường	27/7/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
6	22CDBCK0313	Nguyễn Công Bình	19/01/2000	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	8.3	7.50	Khá	Đạt	
7	22CDBCK0314	Vô Mạnh Cường	12/6/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
8	22CDBCK0315	Hồ Văn Ích	30/6/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
9	22CDBCK0317	Vô Ngọc Vũ	04/8/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.5	7.23	Khá	Đạt	
10	22CDBCK0318	Hồ Doan Y	05/01/2005	Nam	Bao trì hệ thống thiết bị cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
11	22CDDCKT0272	Đinh Văn Bảo	21/8/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.7	7.5	7.63	Khá	Đạt	
12	22CDDCKT0274	Trần Khắc Long	20/10/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.5	7.23	Khá	Đạt	
13	22CDDCKT0275	Đặng Thanh Nghĩa	10/6/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.7	7.7	7.70	Khá	Đạt	
14	22CDDCKT0276	Hồ Văn Nghiễm	10/3/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.6	7.27	Khá	Đạt	
15	22CDDCKT0278	Hồ Văn Thanh	12/6/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
16	22CDDCKT0279	Hồ Văn Thư	15/9/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
17	22CDDCKT0280	Nguyễn Ngọc Tiến	20/10/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.3	7.0	7.20	Khá	Đạt	
18	22CDDCKT0281	Hồ Văn Tồn	14/02/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	6.9	7.03	Khá	Đạt	
19	22CDDCKT0282	Phạm Thanh Trà	05/6/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	6.9	7.03	Khá	Đạt	
20	22CDDCKT0283	Nguyễn Trung	14/02/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
21	22CDDCKT0349	Mai Quốc Thái	02/9/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
22	22CDDCKT0399	Phạm Thái Nguyên	06/10/2005	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
23	22CDDCN\0242	Nguyễn Thị Kim Liên	26/6/2005	Nữ	Công nghệ may	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
24	22CDDCN\0244	Hồ Thị Thắm	10/4/2005	Nữ	Công nghệ may	7.3	6.9	7.17	Khá	Đạt	
25	22CDDCN\0245	Hồ Thị Thủy	26/3/2005	Nữ	Công nghệ may	7.1	6.9	7.03	Khá	Đạt	



TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
26	22CDNCN10293	Đinh Văn	22/5/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
27	22CDNCN10294	Cù Chính	11/5/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.7	7.30	Khá	Đạt	
28	22CDNCN10295	A	04/9/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
29	22CDNCN10296	Lê Anh	11/12/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
30	22CDNCN10298	Đinh Văn	20/11/2004	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
31	22CDNCN10300	Trần Đình	21/7/2002	Nam	Công nghệ ô tô	7.7	8.3	7.90	Khá	Đạt	
32	22CDNCN10302	Trần Văn Ngọc	28/02/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.7	7.43	Khá	Đạt	
33	22CDNCN10303	Đinh Văn	15/8/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
34	22CDNCN10304	Bùi Công	23/5/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
35	22CDNCN10305	Vũ Hoài	29/3/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.7	7.43	Khá	Đạt	
36	22CDNCN10309	Đinh Xuân	10/02/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
37	22CDNCN10311	Phạm Hoài	08/3/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
38	22CDNCN10319	Nguyễn Thành	22/7/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
39	22CDNCN10320	Đào Thành	16/4/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.5	6.83	Trung bình	Đạt	
40	22CDNCN10321	Nguyễn Hữu	12/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.1	6.70	Trung bình	Đạt	
41	22CDNCN10322	Hồ Minh	19/01/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
42	22CDNCN10323	Nguyễn	04/6/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
43	22CDNCN10324	Hồ Văn	28/12/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
44	22CDNCN10325	Hà Văn	20/02/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
45	22CDNCN10326	Phạm Công	18/8/2002	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	7.5	7.37	Khá	Đạt	
46	22CDNCN10327	Huyền Ngọc	24/12/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.1	6.70	Trung bình	Đạt	
47	22CDNCN10328	Trần Khắc	24/8/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.7	7.30	Khá	Đạt	
48	22CDNCN10331	Siu	14/4/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
49	22CDNCN10332	Trương Quang	07/01/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.3	8.1	7.57	Khá	Đạt	
50	22CDNCN10333	Nguyễn Thanh	23/02/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
51	22CDNCN10334	Tĩnh Huỳnh Phúc	07/7/2003	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.1	6.70	Trung bình	Đạt	
52	22CDNCN10336	Vũ Văn	18/6/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
53	22CDNCN10337	Đỗ Thành	02/7/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.7	7.1	6.83	Trung bình	Đạt	
54	22CDNCN10339	Trương Quang	17/7/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.5	6.83	Trung bình	Đạt	
55	22CDNCN10341	Lê Văn	06/10/2005	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.1	6.70	Trung bình	Đạt	
56	22CDNCN10357	Chế Trọng	22/01/2004	Nam	Công nghệ ô tô	6.5	7.1	6.70	Trung bình	Đạt	
57	22CDNCN10246	Thái Văn	25/02/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	6.9	7.03	Khá	Đạt	
58	22CDNCN10253	Phạm Văn	03/5/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
59	22CDNCN10254	Đinh Minh	06/6/2004	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
60	22CDNCN10255	Nguyễn Văn	02/12/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
61	22CDNCN10256	Vũ Thành	14/8/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
62	22CDNCN10257	Nguyễn Hoàng Anh	09/7/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.3	6.9	7.17	Khá	Đạt	
63	22CDNCN10259	Lý Xuân	15/12/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.6	7.27	Khá	Đạt	
64	22CDNCN10260	Khuông Đại	25/5/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.6	7.27	Khá	Đạt	
65	22CDNCN10263	Phạm Thanh Quốc	22/7/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.3	7.4	7.33	Khá	Đạt	
66	22CDNCN10264	Nguyễn Thanh	22/5/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
67	22CDNCN10265	Nguyễn Văn	30/12/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.1	6.9	7.03	Khá	Đạt	
68	22CDNCN10269	Mai Xuân	25/4/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.3	7.6	7.40	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	DTBC	Nếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
69	22CDDC.N0270	Trần Nhật	1.5	Nam	Điện công nghiệp	7.7	7.7	7.70	Khá	Đạt	
70	22CDDC.N0395	Mai Hữu	26/6/2005	Nam	Điện công nghiệp	6.5	7.7	6.90	Trung bình	Đạt	
71	22CDHA.N0284	Nguyễn Văn	25/3/2005	Nam	Hàn	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
72	22CDHA.N0285	Vô Giang	03/01/2005	Nam	Hàn	7.1	7.7	7.30	Khá	Đạt	
73	22CDHA.N0287	Trương Quang	24/6/2005	Nam	Hàn	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
74	22CDHA.N0289	Hồ Văn	19/7/2002	Nam	Hàn	7.3	7.7	7.43	Khá	Đạt	
75	22CDHA.N0290	Đinh Văn	30/5/2004	Nam	Hàn	7.1	7.3	7.17	Khá	Đạt	
76	22CDHA.N0291	Lê Trần	16/8/2005	Nam	Hàn	7.1	7.6	7.27	Khá	Đạt	
77	22CDHA.N0292	Nguyễn Anh	14/01/2005	Nam	Hàn	7.1	7.7	7.30	Khá	Đạt	

Số sinh viên đạt: 77; Số sinh viên không đạt: 0

Già Lai, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỜNG KHOA

GIÁM ĐỐC

CN. Lê Văn Lợi

CN. Trần Thế Hưng

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng